

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH THỦY  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 4 - 2024

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Lương Viết Tú**

*Hội thẩm nhân dân:* Ông **Đoàn Hồng Canh**

**Ông Nguyễn Thành Lâm**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Hà Thị Hồng Nhung** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:* Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2024. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 16 /2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thanh T**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

ĐKNKTT: Khu 14, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện nay: Xóm Láng Mái, xã TN, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 14, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Đinh Thanh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C có sự tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Mao cũ nay là xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T – Sinh ngày 12/6/2012 và Nguyễn Văn K – Sinh ngày 05/3/2014. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu K, giao cho anh C nuôi cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang là lao động tự do thu nhập bình quân 8.000.000đồng/tháng, chị đang sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm Láng Mái, xã TN, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

-Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị xác định không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị nhận chịu cả.

## **2. Trong bản tự khai Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, việc kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Nay anh xác nhận vợ chồng không còn tình cảm nên chị T làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: anh và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Tuấn – Sinh ngày 12/6/2012 và Nguyễn Văn Khánh – Sinh ngày 05/3/2014. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang là công nhân của công ty Cổ phần gạch ngói Sông Đà thu nhập bình quân 3.400.000đồng/tháng. Hiện nay anh và các con chung đang sống tại nhà ở khu 14, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

-Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Anh xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do bận công việc anh không đến Tòa án làm việc được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

*\* Qua xác minh tại chính quyền địa phương, UBND xã TV và hội phụ nữ xã TV cho biết: Chị T và anh Chung có hộ khẩu thường trú tại khu 14, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Chị Đinh Thanh T và anh Nguyễn Văn C có sự tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Mao (nay là xã TV), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T về sống cùng nhà bố mẹ đẻ tại xóm Láng Mái, xã TN, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Chị T là lao động tự do tại địa phương. Chị T và anh Chung có 02 con chung Nguyễn Anh Tuấn – Sinh ngày 12/6/2012 và Nguyễn Văn Khánh – Sinh ngày 05/3/2014. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh Chung quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.*

***\*Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:***

***\*Về thủ tục tố tụng:*** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

***\*Về nội dung:***

-Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Áp dụng: Điều 55; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

-Căn cứ: Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thanh T và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Đinh Thanh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Văn Khánh – Sinh ngày 05/3/2014, giao cho anh Chung được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Anh Tuấn – Sinh ngày 12/6/2012 kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân đến khi các con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này do chị T và anh Chung không yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T và anh Chung thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên chị T nhận chịu cả nên chị T chịu toàn bộ số tiền án phí trên.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Chung, đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Chung có ĐKNKTT tại huyện Thanh Thủy, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án thông báo cho chị T và anh Chung đến tham gia phiên Tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải tuy nhiên anh Chung không tham gia hòa giải, chị T đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Chung vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 dù được thông báo hợp lệ, trong bản tự khai anh Chung cũng thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh Chung theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thanh T và anh Nguyễn Văn C có sự tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phụng Mao (nay là xã TV), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vào năm 2011, đây một hôn nhân hợp pháp. Cả hai bên đều thừa nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra

hiều mâu thuẫn, do nhiều nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng nhau. Hiện nay hai bên đã sống ly thân đều không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị T đề nghị ly hôn anh Chung cũng nhất trí.

HĐXX nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh Chung không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại hai bên đã sống ly thân thời gian đã lâu, hai bên đều xác định không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Vì vậy HĐXX áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Chung là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị Đinh Thanh T xác nhận chị và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Tuấn – Sinh ngày 12/6/2012 và Nguyễn Văn Khánh – Sinh ngày 05/3/2014. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi cháu Khánh giao cho anh Chung nuôi cháu Tuấn, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Chung đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Tuấn và cháu Khánh có nguyện vọng xin ở với bố.

HĐXX thấy rằng: Về nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị T và anh Chung đều chính đáng, hai bên đều đưa ra quan điểm, tài liệu chứng cứ phù hợp để xin được nuôi con chung, tuy nhiên để đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung cần xét điều kiện nuôi con của chị T và anh Chung, cụ thể:

Đối với chị Đinh Thanh T: Chị T hiện nay đang sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm Láng Mái, xã TN, huyện Thanh Sơn. Về thu nhập: Chị T hiện đang là lao động tự do tại địa phương, thu nhập bình quân 8.000.000đồng/tháng.

Đối với anh Nguyễn Văn C: Anh Chung hiện nay đang sống cùng các con tại Khu 14, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Anh Chung có cung cấp cho Tòa án bằng lương hiện nay đang là công nhân công ty Cổ phần gạch ngói Sông Đà thu nhập bình quân 3.400.000đồng/tháng.

HĐXX nhận thấy, hiện nay mặc dù các cháu đều lựa chọn ở với bố, tuy nhiên với thu nhập như trên của anh Chung nếu nuôi dưỡng cả hai con sẽ gặp không ít khó khăn trong việc nuôi dưỡng và thời gian chăm sóc các cháu, là gánh nặng cho anh Chung. Trong khi đó với mức thu nhập trên chị T có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian trực tiếp nuôi dưỡng một cháu.

Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của các cháu, xét nguyện vọng được nuôi con của chị T là chính đáng. Do đó cần giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Văn Khánh – Sinh ngày 05/3/2014, giao cho anh Chung được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Anh Tuấn – Sinh ngày 12/6/2012 là phù hợp quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của hai bên đương sự. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Do chị T và anh Chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Do chị T và anh Chung thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên chị T nhận chịu cả.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

\*Áp dụng: Điều 55; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

\*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thanh T và anh Nguyễn Văn C.

2.Về con chung: Xử giao cho chị Đinh Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Văn Khánh – sinh ngày 05/3/2014; giao cho anh Nguyễn Văn C được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Anh Tuấn-sinh ngày 12/6/2012; kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân đến khi các cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này do chị T và anh Chung không yêu cầu.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thanh T nhận chịu cả 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số BLTU/2023/0003687 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị Đinh Thanh T số tiền 150.000đ(*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TV (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lương Viết Tú**